

Số: .../QĐ-ĐHVTT

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm 2022

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định xây dựng, đánh giá và quản lý hồ sơ học phần
tại Trường Đại học Võ Trường Toản**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Võ Trường Toản;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Võ Trường Toản;

Căn cứ Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Võ Trường Toản;

Căn cứ Bản tổng hợp lấy ý kiến các bên liên quan và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Võ Trường Toản;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng Khoa Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xây dựng, đánh giá và quản lý hồ sơ học phần tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trưởng Khoa Sau đại học, Trưởng các đơn vị trực thuộc Nhà trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công thông tin điện tử VTTU;
- Lưu: VT, ĐT&CTSV, SDH.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Đăng Khoa

QUY ĐỊNH

Về việc xây dựng, đánh giá và quản lý hồ sơ học phần tại Trường Đại học Võ Trường Toản

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-DHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về việc xây dựng, đánh giá và quản lý hồ sơ học phần tại Trường Đại học Võ Trường Toản (sau đây có thể được gọi tắt là Nhà trường hoặc Trường).

2. Quy định này áp dụng đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên của Nhà trường và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham gia công tác xây dựng, đánh giá và quản lý hồ sơ học phần thuộc các chương trình giáo dục đại học của Nhà trường (bao gồm cả chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài tại Việt Nam để cấp văn bằng giáo dục đại học).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hồ sơ học phần là tập hợp các tài liệu chuyên môn của học phần, các tài liệu khác minh chứng cho quá trình tổ chức thực hiện, quản lý, rà soát, cải tiến chất lượng liên quan đến học phần.

2. Đề cương học phần là tài liệu chuyên môn của học phần do giảng viên xây dựng, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (hoặc Khoa/Trung tâm đào tạo) thẩm định, Hiệu trưởng Nhà trường (hoặc người được Hiệu trưởng ủy quyền) ký ban hành. Đề cương học phần có 2 dạng như sau:

a) Đề cương học phần dạng tổng quát (sau đây có thể được gọi là đề cương tổng quát của học phần) dùng để phục vụ công tác quản lý đào tạo, đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo.

b) Đề cương học phần dạng chi tiết (sau đây có thể được gọi là đề cương chi tiết của học phần) được thiết kế chi tiết từ đề cương tổng quát của học phần để phục vụ công tác tổ chức giảng dạy và đánh giá học phần.

3. CDIO (Conceive – Design – Implement – Operate) là quy trình đào tạo được xây dựng một cách bài bản, khoa học và hợp lý; có thể áp dụng cho nhiều lĩnh vực đào

tạo khác nhau dựa trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra để thiết kế đầu vào. Phương pháp tiếp cận CDIO là phương pháp tiên tiến trong quản lý chất lượng đào tạo, đã được áp dụng rộng rãi tại các trường đại học trong và ngoài nước.

4. Rubric là công cụ đánh giá toàn diện năng lực người học thông qua các tiêu chí nhằm giúp cho hoạt động đánh giá được phù hợp với quá trình dạy - học, đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Chương II

HỒ SƠ HỌC PHẦN

Hồ sơ học phần là cơ sở để giảng viên cũng như các bên liên quan tổ chức thực hiện học phần, đánh giá năng lực người học nhằm hướng đến đạt chuẩn đầu ra đã phân nhiệm cho học phần. Hồ sơ học phần bao gồm tối thiểu các loại tài liệu được quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này.

Điều 3. Các tài liệu chuyên môn của học phần

Các tài liệu chuyên môn của học phần do giảng viên xây dựng tối thiểu bao gồm các loại tài liệu như sau:

1. Chuẩn đầu ra của học phần và bảng phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

2. Đề cương học phần

3. Tài liệu tóm tắt bài giảng

4. Tài liệu bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo

5. Tài liệu ghi âm/ghi hình buổi giảng dạy, bộ case study (nếu có)

6. Bộ câu hỏi tham khảo, minh họa

7. Bộ rubric đánh giá học phần

8. Bảng mô tả ngân hàng câu hỏi thi

9. Ma trận câu hỏi thi

10. Ngân hàng câu hỏi thi

Điều 4. Các tài liệu khác liên quan đến học phần

Các tài liệu khác minh chứng cho quá trình tổ chức thực hiện, quản lý, rà soát và cải tiến chất lượng liên quan đến học phần tối thiểu bao gồm các loại tài liệu như sau:

1. Nhật ký giảng dạy học phần: Sổ theo dõi quản lý lớp học (có bao gồm theo dõi mức độ tham dự buổi học của người học), sổ đầu bài, sổ bình bệnh án, ...

2. Dữ liệu tổng hợp về kết quả đánh giá quá trình học tập của người học.

3. Dữ liệu tổng hợp về kết quả đánh giá kết thúc học phần của người học.

4. Báo cáo (*hoặc tài liệu*) phân tích kết quả học tập của người học và đề xuất điều chỉnh các hoạt động/hình thức/loại hình/tiêu chí/phương pháp đánh giá người học liên quan đến học phần.

5. Báo cáo (*hoặc bảng tổng hợp*) ý kiến phản hồi các bên liên quan về chuẩn đầu ra của học phần, đề cương học phần, các hoạt động dạy - học của học phần, chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động/hình thức/loại hình/tiêu chí/phương pháp đánh giá người học liên quan đến học phần, ...

6. Biên bản họp (*hoặc tài liệu*) liên quan đến hoạt động rà soát đề cương học phần (*nếu có*).

7. Biên bản họp (*hoặc ý kiến góp ý của các bên liên quan*) về nội dung và chất lượng của học phần (*nếu có*).

8. Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh chất lượng liên quan đến học phần (*nếu có*).

9. Biên bản họp (*hoặc tài liệu*) phản hồi/giải quyết các khiếu nại về kết quả học tập của người học liên quan đến học phần (*nếu có*).

Chương III

XÂY DỰNG HỒ SƠ HỌC PHẦN

Điều 5. Bảng mô tả chuẩn đầu ra của học phần và bảng phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1. Bảng mô tả chuẩn đầu ra của học phần và bảng phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo do giảng viên xây dựng, bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:

a) Tên học phần, mã học phần

b) Tổng số tín chỉ, số tiết của học phần

c) Đơn vị phụ trách giảng dạy

d) Học phần tiên quyết

đ) Học phần học trước

e) Mô tả học phần

g) Mục tiêu học phần

h) Chuẩn đầu ra của học phần

i) Bảng phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

2. Hình thức và cấu trúc của các bảng mô tả chuẩn đầu ra của các học phần và bảng phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và tuân thủ các quy định cụ thể của Nhà trường (*theo mẫu tại Phụ lục I*).

Điều 6. Đề cương học phần

1. Đề cương học phần được xây dựng theo Quy trình thiết kế đề cương học phần tại Trường Đại học Võ Trường Toản, dựa trên nguyên tắc liên kết hợp lý (*trọng tâm thích có định hướng*) tất cả các thành phần của học phần (*chuẩn đầu ra của học phần, nội dung của học phần, phương pháp dạy – học, phương pháp đánh giá học phần, ...*) kết hợp xem xét đối tượng người học để thiết lập những hoạt động dạy – học phù hợp theo phương pháp tiếp cận CDIO kết hợp rubric.

2. Đề cương học phần bao gồm tối thiểu các thành phần sau đây:

- a) Tên học phần, mã học phần
- b) Tổng số tín chỉ, số tiết của học phần
- c) Đơn vị phụ trách giảng dạy
- d) Học phần tiên quyết
- đ) Học phần học trước
- e) Mô tả học phần
- g) Mục tiêu học phần
- h) Chuẩn đầu ra học phần
- i) Nội dung và kế hoạch giảng dạy
- k) Tài liệu bài giảng, giáo trình và tài liệu tham khảo
- l) Hướng dẫn chung về phương pháp giảng dạy và học tập
- m) Quy định thực hiện và đánh giá học phần

3. Hình thức và cấu trúc của đề cương tổng quát, đề cương chi tiết của học phần phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và tuân thủ các quy định cụ thể của Nhà trường (*theo mẫu tại Phụ lục II và III*).

Điều 7. Tài liệu tóm tắt bài giảng

1. Tài liệu tóm tắt bài giảng là tài liệu do giảng viên biên soạn dựa trên tài liệu bài giảng của học phần đã được Trường Khoa/Giám đốc Trung tâm đào tạo phê duyệt để đưa vào sử dụng chính thức theo Quy trình phê duyệt bài giảng tại Trường Đại học Võ Trường Toản; bao gồm các phần nội dung cốt lõi, trọng tâm của học phần mà giảng viên sẽ trực tiếp truyền đạt cho người học (*không đồng nghĩa với việc đưa toàn bộ nội dung kiến thức của học phần*), có ví dụ minh họa hoặc nội dung liên hệ thực

tiền, có câu hỏi ôn tập, định hướng thảo luận, định hướng nội dung tự học và tự nghiên cứu, bài tập thực hành vận dụng.

2. Tài liệu tóm tắt bài giảng được trình bày theo mẫu PowerPoint do Nhà trường quy định (*theo mẫu tại Phụ lục IV*); được thường xuyên hoặc định kỳ rà soát, cập nhật phù hợp với tài liệu bài giảng của học phần.

Điều 8. Giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo

Giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo được tổ chức biên soạn, lựa chọn theo quy định tại Quyết định 660/QĐ-ĐHVTT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

Điều 9. Bảng mô tả ngân hàng câu hỏi thi

1. Bảng mô tả ngân hàng câu hỏi thi được dùng để phục vụ công tác quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động về khảo thí, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, giải trình với các bên liên quan khi có yêu cầu.

2. Nội dung bảng mô tả ngân hàng câu hỏi thi của học phần phải bao gồm tối thiểu các thành phần sau đây:

- a) Tên học phần, mã học phần
- b) Tổng số tín chỉ, số tiết của học phần
- c) Đơn vị phụ trách giảng dạy
- d) Mục tiêu học phần
- đ) Chuẩn đầu ra học phần
- e) Nội dung, cấp độ và mục tiêu đánh giá (*cấp độ đánh giá phải tương quan với nội dung và mục tiêu đánh giá, phù hợp với chuẩn đầu ra học phần*).
- g) Số câu hỏi thi tối thiểu trong ngân hàng câu hỏi thi của học phần (*phải tương quan với số tiết đã phân bổ*).

3. Hình thức và cấu trúc của bảng mô tả ngân hàng câu hỏi thi của các học phần phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và tuân thủ các quy định cụ thể của Nhà trường (*theo mẫu tại Phụ lục V*).

Điều 10. Ma trận câu hỏi thi

1. Ma trận câu hỏi thi được dùng để bộ phận Khảo thí của Nhà trường tổ hợp đề thi được chuẩn xác theo yêu cầu của từng học phần; tránh trùng lặp nhiều lần hoặc bỏ sót nội dung đánh giá; đảm bảo đánh giá đủ chuẩn đầu ra của học phần; đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng trong đánh giá và phân loại năng lực của người học.

2. Hình thức, cấu trúc và nội dung của ma trận câu hỏi thi của các học phần phải đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và tuân thủ các quy định cụ thể của Nhà trường (theo mẫu tại Phụ lục VI).

Điều 11. Ngân hàng câu hỏi thi

Ngân hàng câu hỏi thi được tổ chức xây dựng theo quy định tại Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành Quy chế tổ chức đánh giá học phần áp dụng tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

Điều 12. Bộ rubric đánh giá học phần

1. Bộ rubric đánh giá học phần được xây dựng theo Quy trình thiết kế rubrics tại Trường Đại học Võ Trường Toản, dùng để phục vụ công tác quản lý và triển khai thực hiện các hoạt động về khảo thí, đánh giá và kiểm định chất lượng, giải trình với các bên liên quan khi có yêu cầu.

2. Hình thức và cấu trúc của các mẫu phiếu rubric đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và tuân thủ các quy định cụ thể của Nhà trường theo quy định tại Phụ lục VII.

Điều 13. Các tài liệu khác liên quan đến học phần

1. Các tài liệu khác minh chứng cho quá trình tổ chức thực hiện, quản lý, rà soát và cải tiến chất lượng liên quan đến học phần được quy định tại Điều 4 Quy định này do Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên/Khoa Sau đại học, Phòng Quản lý chất lượng hoặc các Khoa/Trung tâm đào tạo xây dựng tùy theo chức năng và nhiệm vụ được phân nhiệm.

2. Hình thức và cấu trúc của bảng dữ liệu tổng hợp về kết quả đánh giá quá trình học tập và đánh giá kết thúc học phần của người học đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và tuân thủ các quy định cụ thể của Nhà trường (theo mẫu tại Phụ lục VIII và IX).

Chương IV

CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ, QUẢN LÝ VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ HỌC PHẦN

Điều 14. Đánh giá hồ sơ học phần

1. Việc đánh giá hồ sơ học phần nhằm kiểm tra, giám sát, đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên, các đơn vị trực thuộc Nhà trường và các cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện xây dựng và quản lý hồ sơ học phần tại Nhà trường.

2. Việc đánh giá hồ sơ học phần được thực hiện với các hình thức như sau:

a) Đối với các tài liệu chuyên môn của học phần (ngoại trừ ngân hàng câu hỏi thi):

- Các Khoa/Trung tâm đào tạo thực hiện kiểm tra và rà soát theo định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả bằng văn bản gửi về Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên/Khoa Sau đại học, Phòng Quản lý chất lượng.

- Phòng Quản lý chất lượng chủ trì, phối hợp Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên/Khoa Sau đại học và các đơn vị trực thuộc Nhà trường (nếu cần) thực hiện kiểm tra ngẫu nhiên, đột xuất theo kế hoạch tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ.

b) Đối với các tài liệu khác liên quan đến học phần:

- Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên/Khoa Sau đại học thực hiện kiểm tra và rà soát theo định kỳ hằng năm, báo cáo kết quả bằng văn bản gửi về Ban Giám hiệu, các Khoa/Trung tâm đào tạo, Phòng Quản lý chất lượng.

- Phòng Quản lý chất lượng chủ trì, phối hợp các đơn vị trực thuộc Nhà trường (nếu cần) thực hiện kiểm tra ngẫu nhiên, đột xuất theo kế hoạch tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ.

3. Hồ sơ học phần được đánh giá theo 2 mức độ:

- Đạt yêu cầu: Có đầy đủ các tài liệu theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này; các tài liệu được xây dựng đầy đủ nội dung, thành phần theo đúng hình thức và cấu trúc như quy định, được thẩm định và phê duyệt đúng quy trình.

- Chưa đạt yêu cầu: Chưa có đầy đủ tài liệu theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này; hoặc có tài liệu chưa đầy đủ nội dung, thành phần hoặc trình bày chưa đúng hình thức, cấu trúc như quy định; hoặc có tài liệu chưa được thẩm định và phê duyệt đúng quy trình.

4. Đối với các hồ sơ chưa đạt yêu cầu, tùy theo chức năng và nhiệm vụ, các đơn vị trực thuộc Nhà trường và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm hoàn thiện trong thời hạn tối đa không quá 4 tuần kể từ ngày nhận được kết luận bằng văn bản. Các trường hợp cần thời gian hoàn thiện nhiều hơn 4 tuần sẽ do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định.

Điều 15. Quản lý và lưu trữ hồ sơ học phần

1. Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Sau đại học, các đơn vị trực thuộc Nhà trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu được quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này theo các quy định hiện hành của pháp luật và của Nhà trường với sự phân nhiệm như sau:

STT	Tên tài liệu	Đơn vị quản lý và lưu trữ tài liệu			
		(1)	(2)	(3)	(4)
I. Các tài liệu chuyên môn của học phần					

1	Chuẩn đầu ra của học phần và bảng phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	✓		✓	
2	Đề cương học phần	✓		✓	
3	Tài liệu tóm tắt bài giảng	✓		✓	✓
4	Tài liệu bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo			✓	✓
5	Tài liệu ghi âm/ghi hình buổi giảng dạy, bộ case study (nếu có)			✓	✓
6	Bộ câu hỏi tham khảo, minh họa	✓		✓	
7	Bộ rubric đánh giá học phần	✓		✓	
8	Bảng mô tả ngân hàng câu hỏi thi	✓		✓	
9	Ma trận câu hỏi thi	✓		✓	
10	Ngân hàng câu hỏi thi	✓			
II. Các tài liệu khác liên quan đến học phần					
1	Nhật ký giảng dạy học phần: Sổ theo dõi quản lý lớp học (có bao gồm theo dõi mức độ tham dự buổi học của người học), sổ đầu bài, sổ bình bệnh án, ...	✓			
2	Dữ liệu tổng hợp về kết quả đánh giá quá trình học tập của người học.	✓			
3	Dữ liệu tổng hợp về kết quả đánh giá kết thúc học phần của người học.	✓			
4	Báo cáo (hoặc tài liệu) phân tích kết quả học tập của người học và đề xuất điều chỉnh các hoạt động/hình thức/loại hình/tiêu chí/phương pháp đánh giá người học liên quan đến học phần.	✓	✓	✓	
5	Báo cáo (hoặc bảng tổng hợp) ý kiến phản hồi các bên liên quan về chuẩn đầu ra của học phần, đề cương học phần, các hoạt động dạy - học của học phần, chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động/hình thức/loại hình/tiêu chí/phương pháp đánh giá người học liên quan đến học phần, ...	✓	✓	✓	
6	Biên bản họp (hoặc tài liệu) liên quan đến hoạt động rà soát đề cương học phần (nếu có).	✓	✓	✓	
7	Biên bản họp (hoặc ý kiến góp ý của các bên liên quan) về nội dung và chất lượng của học phần (nếu có).	✓	✓	✓	

8	Báo cáo kết quả kiểm định chất lượng giáo dục và đối sánh chất lượng liên quan đến học phần (nếu có).	✓	✓	✓	
9	Biên bản họp (hoặc tài liệu) phản hồi/giải quyết các khiếu nại về kết quả học tập của người học liên quan đến học phần (nếu có).	✓	✓	✓	

Chú thích:

(1): Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên/Khoa Sau đại học

(2): Phòng Quản lý chất lượng

(3): Khoa/Trung tâm đào tạo phụ trách học phần

(4): Thư viện

2. Việc tiêu hủy các tài liệu được quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này sau khi hết thời gian lưu trữ (nếu có) được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của Nhà trường.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí tổ chức xây dựng, đánh giá và quản lý hồ sơ học phần tại Trường Đại học Võ Trường Toản theo Quy chế tài chính và chi tiêu nội bộ của Nhà trường, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Phòng Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan thực hiện tham mưu, tư vấn kinh phí, trình Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt dự toán tổ chức xây dựng, đánh giá và quản lý hồ sơ học phần tại Nhà trường; thực hiện tạm ứng, thanh toán kinh phí theo dự toán đã được Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt.

Điều 17. Chế độ công khai

Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Khoa Sau đại học, các đơn vị trực thuộc Nhà trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm công khai một số tài liệu thuộc hồ sơ học phần theo các quy định hiện hành của pháp luật và của Nhà trường với sự phân nhiệm như sau:

STT	Tên tài liệu	Đơn vị thực hiện			
		(1)	(2)	(3)	(4)
I. Các tài liệu chuyên môn của học phần					
1	Đề cương học phần	✓		✓	
2	Tài liệu tóm tắt bài giảng			✓	✓

3	Tài liệu bài giảng, giáo trình, tài liệu tham khảo			✓	✓
4	Tài liệu ghi âm/ghi hình buổi giảng dạy, bộ case study (nếu có)			✓	✓
5	Bộ câu hỏi tham khảo, minh họa	✓		✓	
6	Bộ rubric đánh giá học phần	✓		✓	
II. Các tài liệu khác liên quan đến học phần					
1	Báo cáo (hoặc bảng tổng hợp) ý kiến phản hồi các bên liên quan về chuẩn đầu ra của học phần, đề cương học phần, các hoạt động dạy - học của học phần, chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, các hoạt động/hình thức/loại hình/tiêu chí/phương pháp đánh giá người học liên quan đến học phần, ...			✓	

Chú thích:

(1): Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên/Khoa Sau đại học

(2): Phòng Quản lý chất lượng

(3): Khoa/Trung tâm đào tạo phụ trách học phần

(4): Thư viện

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định này cùng với các quy định hiện hành khác (nếu có liên quan), Nhà trường thực hiện:

a) Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại thi đua, xét khen thưởng, kỷ luật, tái ký hợp đồng lao động đối với cán bộ, giảng viên, nhân viên trong toàn Trường.

b) Tiếp tục xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện thêm một số quy định trên cơ sở tham mưu của các đơn vị chức năng trực thuộc Nhà trường và tư vấn của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

2. Quy định này được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp theo từng giai đoạn phát triển của Nhà trường và những thay đổi trong quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tất cả các trường hợp phát sinh khác liên quan đến công tác xây dựng, đánh giá và quản lý hồ sơ học phần thuộc các chương trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản sẽ do Hiệu trưởng Nhà trường quyết định./.

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG MÔ TẢ CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN VÀ PHÂN TÍCH MỐI LIÊN HỆ VỚI CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Tên tiếng Việt			Tên tiếng Anh
Thuộc khối:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương			<input type="checkbox"/> Cơ sở khối ngành và ngành
	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành			<input type="checkbox"/> Tự chọn và tốt nghiệp
Mã học phần:				
Số tín chỉ:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
Số tiết:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học (bao gồm tự học có hướng dẫn), tự nghiên cứu, trải nghiệm

2. Thông tin chung về đơn vị phụ trách giảng dạy học phần

Tên đơn vị:	[Ghi tên Khoa/Trung tâm đào tạo]		
Thông tin liên hệ:	[Ghi địa chỉ/địa điểm văn phòng Khoa/Trung tâm đào tạo]		
	Điện thoại: ...		Email: ...

3. Học phần tiên quyết:

4. Học phần học trước:

5. Mô tả học phần:

6. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (X.x.x)	Trình độ năng lực
<i>Về kiến thức:</i>			
G1			

G...			
<i>Về kỹ năng:</i>			
G...			
<i>Về thái độ, năng lực:</i>			
G...			

Lưu ý:

- Mục tiêu tổng quát của học phần (*tối đa 8 mục tiêu*) phải tương quan với các chủ đề chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (X.x.x) và trình độ năng lực phân nhiệm cho học phần.

- Thống nhất sử dụng theo thang MIT (*5 cấp độ*) để đo lường năng lực người học ở 3 phương diện kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm.

7. Phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra của học phần [ghi tên học phần] với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành [ghi tên ngành đào tạo], trình độ [ghi trình độ đào tạo], hệ [ghi hệ đào tạo] được thể hiện như sau:

[Ghi tên học phần]	Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (X.x.x) phân nhiệm cho học phần					
	X.x.x	X.x.x	X.x.x	X.x.x	X.x.x	X.x.x
Trình độ năng lực						
Mức độ giảng dạy (<i>ký hiệu theo I,T,U</i>)						

Chú thích:

Mức độ giảng dạy	Ký hiệu I (<i>Introduce</i>)	Ký hiệu T (<i>Teach</i>)	Ký hiệu U (<i>Utilise</i>)
Hoạt động giảng dạy	Trình bày ngắn gọn cho người học về chủ đề.	Hướng dẫn, truyền đạt cho người học kiến thức, kỹ năng hoặc những hiểu biết mới tương ứng với bậc nhận thức ở mức cụ thể kỳ vọng người học đạt được.	Xem như người học đã có kiến thức nhất định về chủ đề.
Chuẩn đầu ra	Không có chuẩn đầu ra cụ thể nào liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Có chuẩn đầu ra liên quan đến chủ đề này trong học phần; người học ít nhất tăng 1 bậc nhận thức về chủ đề	Không có chuẩn đầu ra; người học sử dụng kiến thức của chủ đề này để đạt được chuẩn đầu ra khác

Thời gian giảng dạy phân bổ	Thường ít hơn 1 tiết	Tối thiểu 1 tiết (bài giảng, thực hành, ...)	Không phân bổ thời gian giảng dạy cho chủ đề này trong học phần.
Bài tập	Không có bài tập liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Có các bài tập, tiểu luận liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Không có bài tập liên quan đến chủ đề này trong học phần.
Kiểm tra, đánh giá	Không có kiểm tra, đánh giá liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Có kiểm tra, đánh giá liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Không có kiểm tra, đánh giá liên quan đến chủ đề này trong học phần.

8. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra (Gx.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (ký hiệu theo I,T,U)
<i>Về kiến thức</i>		
G1.1		
G1.2		
G1...		
<i>Về kỹ năng</i>		
G...		
G...		
<i>Về năng lực tự chủ, trách nhiệm</i>		
G...		
G...		

Lưu ý:

- Mô tả chuẩn đầu ra học phần (*chuẩn đầu ra cấp độ 4*) bằng những động từ chủ động, đánh giá được và phải tương quan với các mục tiêu tổng quát của học phần.

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
(Nếu có)**

PHỤ LỤC II

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Dạng tổng quát)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Tên tiếng Việt			Tên tiếng Anh
Thuộc khối:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương			<input type="checkbox"/> Cơ sở khối ngành và ngành
	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành			<input type="checkbox"/> Tự chọn và tốt nghiệp
Mã học phần:				
Số tín chỉ:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
Số tiết:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học (bao gồm tự học có hướng dẫn), tự nghiên cứu, trải nghiệm

2. Thông tin chung về đơn vị phụ trách giảng dạy học phần

Tên đơn vị:	[Ghi tên Khoa/Trung tâm đào tạo]		
Thông tin liên hệ:	[Ghi địa chỉ/địa điểm văn phòng Khoa/Trung tâm đào tạo]		
	Điện thoại: ...		Email: ...

3. Học phần tiên quyết:

4. Học phần học trước:

5. Mô tả học phần:

6. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (X.x.x)	Trình độ năng lực
Về kiến thức:			
G1			
G...			

<i>Về kỹ năng:</i>			
G...			
<i>Về thái độ, năng lực:</i>			
G...			

Lưu ý:

- Mục tiêu tổng quát của học phần (*tối đa 8 mục tiêu*) phải tương quan với các chủ đề chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (X.x.x) và trình độ năng lực phân nhiệm cho học phần.

- Thống nhất sử dụng theo thang MIT (*5 cấp độ*) để đo lường năng lực người học ở 3 phương diện kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra (Gx.x)	Mô tả chuẩn đầu ra (<i>Mô tả chuẩn đầu ra cấp 4 bằng những động từ chủ động, đánh giá được và phải tương quan với các mục tiêu tổng quát của học phần</i>)	Mức độ giảng dạy (<i>ký hiệu theo I,T,U</i>)
<i>Về kiến thức</i>		
G1.1		
G1.2		
G1...		
<i>Về kỹ năng</i>		
G...		
G...		
<i>Về năng lực tự chủ, trách nhiệm</i>		
G...		
G...		

8. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

8.1 Nội dung giảng dạy học phần

Mã bài học (Lx)	Nội dung (<i>Ghi tên bài học</i>)	Số tiết phân bổ		Chuẩn đầu ra học phần (Gx.x)	Bài kiểm tra, đánh giá (Ax.x)
		<i>Lý thuyết</i>	<i>Thực hành</i>		
L1					
L...					

Lưu ý:

- Các nội dung giảng dạy phải thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra và các bài kiểm tra, đánh giá của học phần.

8.2 Kế hoạch giảng dạy học phần

Mã bài học (<i>Lx</i>)	Nội dung (<i>Ghi tên bài học</i>)	Số tiết phân bổ		Trình tự giảng dạy (<i>dự kiến</i>)
		Lý thuyết	Thực hành	
L1				
L...				
L...				

Lưu ý:

- Gắn dấu (*) tại các dòng tương ứng thuộc cột **Trình tự giảng dạy** (*dự kiến*) đối với các nội dung bài học cần thực hiện chính xác trình tự giảng dạy.

- Đối với mỗi nhóm học, bố trí thời khóa biểu không vượt quá 4 tiết/buổi, 1 buổi/ngày và 15 tiết/tuần (*ngoại trừ các học phần thực tập ngoài cộng đồng, tại doanh nghiệp, tại cơ sở thực hành lâm sàng và các học phần tốt nghiệp*).

9. Giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo

9.1 Giáo trình

Ghi tên giáo trình đã được Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt làm tài liệu chính dùng cho giảng viên và người học trong giảng dạy, học tập học phần theo quy định tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHVTT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

9.2 Bài giảng

Ghi tên bài giảng đã được Trưởng Khoa/Giám đốc Trung tâm đào tạo phê duyệt để đưa vào sử dụng theo quy định tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHVTT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

9.3 Tài liệu tham khảo

Liệt kê không quá 5 tài liệu tham khảo đã được duyệt đưa vào sử dụng theo quy định tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHVTT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

10. Phương pháp và hình thức dạy – học

10.1 Về phía giảng viên

10.1.1 Trước khi thực hiện tiết giảng

...

10.1.2 Trong khi thực hiện tiết giảng

...

10.1.3 Sau khi thực hiện tiết giảng

...

10.2 Về phía người học

10.2.1 Trước khi tham gia tiết học

...

10.2.2 Trong khi tham gia tiết học

...

10.2.3 Sau khi tham gia tiết học

...

11. Quy định thực hiện và đánh giá học phần

11.1 Điều kiện dự đánh giá học phần

11.1.1 Điều kiện dự đánh giá quá trình

...

11.1.2 Điều kiện dự đánh giá kết thúc học phần

...

11.2 Điểm công nhận đạt học phần

...

11.3 Đánh giá học phần

Bài kiểm tra/đánh giá (có ghi kèm số lần đánh giá)	Trọng số của điểm thành phần	Chuẩn đầu ra học phần (Gx.x)
A1. Đánh giá quá trình		
[Ax.x] [Ghi tiêu chí đánh giá] (ghi số lần đánh giá)		
[Ax.x] [Ghi tiêu chí đánh giá] (ghi số lần đánh giá)		
...		
A2. Đánh giá kết thúc học phần		

[Ax.x] [Ghi tiêu chí đánh giá] (ghi số lần đánh giá)		
---	--	--

Lưu ý:

- Các thành phần, phương pháp/hình thức, các bài kiểm tra/đánh giá, số lần kiểm tra/đánh giá, trọng số đánh giá, ... phải thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần.

- Đối với mỗi học phần, người học được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần (ngoại trừ các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá). Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10.

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

PHỤ LỤC III

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

(Dạng chi tiết)

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Tên tiếng Việt			Tên tiếng Anh
Thuộc khối:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương			<input type="checkbox"/> Cơ sở khối ngành và ngành
	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành			<input type="checkbox"/> Tự chọn và tốt nghiệp
Mã học phần:				
Số tín chỉ:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
Số tiết:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học (bao gồm tự học có hướng dẫn), tự nghiên cứu, trải nghiệm

2. Thông tin chung về đơn vị phụ trách giảng dạy học phần

Tên đơn vị:	[Ghi tên Khoa/Trung tâm đào tạo]		
Thông tin liên hệ:	[Ghi địa chỉ/địa điểm văn phòng Khoa/Trung tâm đào tạo]		
	Điện thoại: ...		Email: ...

3. Học phần tiên quyết:

4. Học phần học trước:

5. Mô tả học phần:

6. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (X.x.x)	Trình độ năng lực
Về kiến thức:			
G1			
G...			

<i>Về kỹ năng:</i>			
G...			
<i>Về thái độ, năng lực:</i>			
G...			

Lưu ý:

- Mục tiêu tổng quát của học phần (*tối đa 8 mục tiêu*) phải tương quan với các chủ đề chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (X.x.x) và trình độ năng lực phân nhiệm cho học phần.

- Thống nhất sử dụng theo thang MIT (*5 cấp độ*) để đo lường năng lực người học ở 3 phương diện kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra (Gx.x)	Mô tả chuẩn đầu ra (<i>Mô tả chuẩn đầu ra cấp 4 bằng những động từ chủ động, đánh giá được và phải tương quan với các mục tiêu tổng quát của học phần</i>)	Mức độ giảng dạy (<i>ký hiệu theo I,T,U</i>)
<i>Về kiến thức</i>		
G1.1		
G1.2		
G1...		
<i>Về kỹ năng</i>		
G...		
G...		
<i>Về năng lực tự chủ, trách nhiệm</i>		
G...		
G...		

Chú thích:

Mức độ giảng dạy	Ký hiệu I (<i>Introduce</i>)	Ký hiệu T (<i>Teach</i>)	Ký hiệu U (<i>Utilise</i>)
Hoạt động giảng dạy	Trình bày ngắn gọn cho người học về chủ đề.	Hướng dẫn, truyền đạt cho người học kiến thức, kỹ năng hoặc những hiểu biết mới tương ứng với bậc nhận thức ở mức cụ thể kỳ vọng người học đạt được.	Xem như người học đã có kiến thức nhất định về chủ đề.

Chuẩn đầu ra	Không có chuẩn đầu ra cụ thể nào liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Có chuẩn đầu ra liên quan đến chủ đề này trong học phần; người học ít nhất tăng 1 bậc nhận thức về chủ đề	Không có chuẩn đầu ra; người học sử dụng kiến thức của chủ đề này để đạt được chuẩn đầu ra khác
Thời gian giảng dạy phân bổ	Thường ít hơn 1 tiết	Tối thiểu 1 tiết (bài giảng, thực hành, ...)	Không phân bổ thời gian giảng dạy cho chủ đề này trong học phần.
Bài tập	Không có bài tập liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Có các bài tập, tiểu luận liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Không có bài tập liên quan đến chủ đề này trong học phần.
Kiểm tra, đánh giá	Không có kiểm tra, đánh giá liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Có kiểm tra, đánh giá liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Không có kiểm tra, đánh giá liên quan đến chủ đề này trong học phần.

8. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

8.1 Nội dung giảng dạy học phần

Mã bài học (<i>Lx</i>)	Nội dung (<i>Ghi tên bài học</i>)	Số tiết phân bổ		Chuẩn đầu ra học phần (<i>Gx.x</i>)	Bài kiểm tra, đánh giá (<i>Ax.x</i>)
		Lý thuyết	Thực hành		
L1					
L...					

Lưu ý:

- Các nội dung giảng dạy phải thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra và các bài kiểm tra, đánh giá của học phần.

8.2 Kế hoạch giảng dạy học phần

Mã bài học (<i>Lx</i>)	Nội dung (<i>Ghi tên bài học</i>)	Số tiết phân bổ		Trình tự giảng dạy (<i>dự kiến</i>)
		Lý thuyết	Thực hành	
L1				
L...				

Lưu ý:

- Gắn dấu (*) tại các dòng tương ứng thuộc cột **Trình tự giảng dạy** (*dự kiến*) đối với các nội dung bài học cần thực hiện chính xác trình tự giảng dạy.

- Đối với mỗi nhóm học, bố trí thời khóa biểu không vượt quá 4 tiết/buổi, 1 buổi/ngày và 15 tiết/tuần (ngoại trừ các học phần thực tập ngoài cộng đồng, tại doanh nghiệp, tại cơ sở thực hành lâm sàng và các học phần tốt nghiệp).

9. Giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo

9.1 Giáo trình

Ghi tên giáo trình đã được Hiệu trưởng Nhà trường phê duyệt làm tài liệu chính dùng cho giảng viên và người học trong giảng dạy, học tập học phần theo quy định tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHVTT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

9.2 Bài giảng

Ghi tên bài giảng đã được Trường Khoa/Giám đốc Trung tâm đào tạo phê duyệt để đưa vào sử dụng theo quy định tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHVTT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

9.3 Tài liệu tham khảo

Liệt kê không quá 5 tài liệu tham khảo đã được duyệt đưa vào sử dụng theo quy định tại Quyết định số 660/QĐ-ĐHVTT ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản về việc ban hành Quy định việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học tại Trường Đại học Võ Trường Toản.

10. Phương pháp và hình thức dạy – học

10.1 Về phía giảng viên

Mã bài học (Lx)	Số tiết phân bổ		Phương pháp và hình thức dạy - học	Giảng viên cần chuẩn bị theo từng nội dung	
	Lý thuyết	Thực hành			
L1				(1)	
				(2)	
				(3)	
L...				(1)	
				(2)	
				(3)	

Chú thích:

- (1): Trước khi thực hiện tiết giảng
- (2): Trong khi thực hiện tiết giảng
- (3): Sau khi thực hiện tiết giảng

10.2 Về phía người học

Mã bài học (Lx)	Số tiết phân bổ		Phương pháp và hình thức dạy - học	Người học cần chuẩn bị theo từng nội dung	
	Lý thuyết	Thực hành			
L1				(1)	
				(2)	
				(3)	
L...				(1)	
				(2)	
				(3)	

Chú thích:

- (1): Trước khi tham gia tiết học
- (2): Trong khi tham gia tiết học
- (3): Sau khi tham gia tiết học

11. Quy định thực hiện và đánh giá học phần

11.1 Điều kiện dự đánh giá học phần

11.1.1 Điều kiện dự đánh giá quá trình

...

11.1.2 Điều kiện dự đánh giá kết thúc học phần

...

11.2 Điểm công nhận đạt học phần

...

11.3 Đánh giá học phần

Bài kiểm tra/đánh giá (có ghi kèm số lần đánh giá)	Phương pháp	Hình thức	Trọng số của điểm thành phần	Chuẩn đầu ra học phần (Gx.x)
A1. Đánh giá quá trình				
[Ax.x] [Ghi tiêu chí đánh giá] (ghi số lần đánh giá)				
[Ax.x] [Ghi tiêu chí đánh giá] (ghi số lần đánh giá)				

...				
A2. Đánh giá kết thúc học phần				
[Ax.x] [Ghi tiêu chí đánh giá] (ghi số lần đánh giá)				

Lưu ý:

- Các thành phần, phương pháp/hình thức, các bài kiểm tra/đánh giá, số lần kiểm tra/đánh giá, trọng số đánh giá, ... phải thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần.

- Đối với mỗi học phần, người học được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần (ngoại trừ các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá). Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10.

- Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm toàn học phần (ngoại trừ học phần khóa luận/luận văn tốt nghiệp, các trường hợp khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Nhà trường).

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

PHỤ LỤC IV


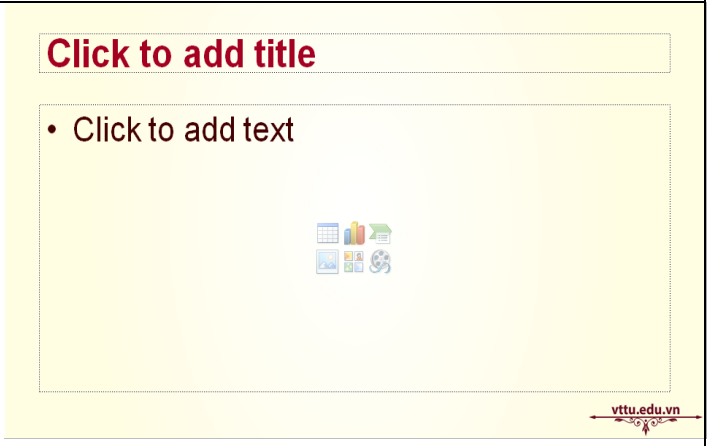
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÀI LIỆU TÓM TẮT BÀI GIẢNG

Tài liệu tóm tắt bài giảng được trình bày theo mẫu PowerPoint do Nhà trường quy định tại Phụ lục này; được thường xuyên hoặc định kỳ rà soát, cập nhật phù hợp với tài liệu bài giảng của học phần.

Mẫu trang mở đầu:	
Mẫu các trang tiếp theo:	
Mẫu trang cuối:	

PHỤ LỤC V

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG MÔ TẢ NGÂN HÀNG CÂU HỎI THI

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Tên tiếng Việt			Tên tiếng Anh
Thuộc khối:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương			<input type="checkbox"/> Cơ sở khối ngành và ngành
	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành			<input type="checkbox"/> Tự chọn và tốt nghiệp
Mã học phần:				
Số tín chỉ:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
Số tiết:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học (bao gồm tự học có hướng dẫn), tự nghiên cứu, trải nghiệm

2. Thông tin chung về đơn vị phụ trách giảng dạy học phần

Tên đơn vị:	[Ghi tên Khoa/Trung tâm đào tạo]	
Thông tin liên hệ:	[Ghi địa chỉ/địa điểm văn phòng Khoa/Trung tâm đào tạo]	
	Điện thoại: ...	Email: ...

3. Học phần tiên quyết:

4. Học phần học trước:

5. Mô tả học phần:

6. Mục tiêu học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (X.x.x)	Trình độ năng lực
<i>Về kiến thức:</i>			
G1			
G...			
<i>Về kỹ năng:</i>			
G...			

<i>Về thái độ, năng lực:</i>			
G...			

Lưu ý:

- Mục tiêu tổng quát của học phần (*tối đa 8 mục tiêu*) phải tương quan với các chủ đề chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (X.x.x) và trình độ năng lực phân nhiệm cho học phần.

- Thống nhất sử dụng theo thang MIT (*5 cấp độ*) để đo lường năng lực người học ở 3 phương diện kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm.

7. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra (Gx.x)	Mô tả chuẩn đầu ra (<i>Mô tả chuẩn đầu ra cấp 4 bằng những động từ chủ động, đánh giá được và phải tương quan với các mục tiêu tổng quát của học phần</i>)	Mức độ giảng dạy (<i>ký hiệu theo I,T,U</i>)
<i>Về kiến thức</i>		
G1.1		
G1.2		
G1...		
<i>Về kỹ năng</i>		
G...		
<i>Về năng lực tự chủ, trách nhiệm</i>		
G...		

Chú thích:

Mức độ giảng dạy	Ký hiệu I (<i>Introduce</i>)	Ký hiệu T (<i>Teach</i>)	Ký hiệu U (<i>Utilise</i>)
Hoạt động giảng dạy	Trình bày ngắn gọn cho người học về chủ đề.	Hướng dẫn, truyền đạt cho người học kiến thức, kỹ năng hoặc những hiểu biết mới tương ứng với bậc nhận thức ở mức cụ thể kỳ vọng người học đạt được.	Xem như người học đã có kiến thức nhất định về chủ đề.
Chuẩn đầu ra	Không có chuẩn đầu ra cụ thể nào liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Có chuẩn đầu ra liên quan đến chủ đề này trong học phần; người học ít nhất tăng 1 bậc nhận thức về chủ đề	Không có chuẩn đầu ra; người học sử dụng kiến thức của chủ đề này để đạt được chuẩn đầu ra khác
Thời gian giảng dạy phân bổ	Thường ít hơn 1 tiết	Tối thiểu 1 tiết (bài giảng, thực hành, ...)	Không phân bổ thời gian giảng dạy cho chủ đề này trong học phần.

Bài tập	Không có bài tập liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Có các bài tập, tiểu luận liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Không có bài tập liên quan đến chủ đề này trong học phần.
Kiểm tra, đánh giá	Không có kiểm tra, đánh giá liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Có kiểm tra, đánh giá liên quan đến chủ đề này trong học phần.	Không có kiểm tra, đánh giá liên quan đến chủ đề này trong học phần.

8. Nội dung, cấp độ và mục tiêu đánh giá

8.1 Nội dung đánh giá

Mã bài học L_x	Nội dung (Ghi tên bài học có kiểm tra, đánh giá trong học phần)	Số tiết phân bổ		Chuẩn đầu ra học phần ($G_{x.x}$)	Bài kiểm tra, đánh giá ($A_{x.x}$)
		Lý thuyết	Thực hành		
L...					

8.2 Cấp độ và mục tiêu đánh giá

Mã bài học L_x	Nội dung (Ghi tên bài học có kiểm tra, đánh giá trong học phần)	Cấp độ câu hỏi	Mục tiêu đánh giá	Số câu hỏi
L...				
Tổng cộng				

Lưu ý:

- Cấp độ đánh giá phải tương quan với nội dung và mục tiêu đánh giá, phù hợp với chuẩn đầu ra học phần; thống nhất sử dụng theo thang MIT (5 cấp độ) để đo lường năng lực người học ở 3 phương diện kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm.

- Số câu hỏi là ghi số câu hỏi thi tối thiểu cần có trong ngân hàng câu hỏi thi của học phần, tương quan với số tiết đã phân bổ.

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
(Nếu có)**

Lưu ý:

- Cấp độ câu hỏi đánh giá, thống nhất sử dụng theo thang MIT (5 cấp độ) để đo lường năng lực người học ở 3 phương diện kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, trách nhiệm.

4. Ngân hàng câu hỏi thi

Mã bài học (Lx)	Nội dung (Ghi tên bài học)	Cấp độ câu hỏi	Vị trí câu hỏi	Số lượng câu hỏi		Chuẩn đầu ra (Gx.x)	Số lượng câu hỏi cần bốc theo bài kiểm tra, đánh giá		
				(1)	(2)		(Ax.x)	(Ax.x)	(Ax.x)
L...		1.0	...-...						
		2.0	...-...						
		3.0	...-...						
		4.0	...-...						
		5.0	...-...						
L...		1.0	...-...						
		2.0	...-...						
		3.0	...-...						
		4.0	...-...						
		5.0	...-...						
L...		1.0	...-...						
		2.0	...-...						
		3.0	...-...						
		4.0	...-...						
		5.0	...-...						
Tổng cộng									

Chú thích:

(1): Số lượng câu hỏi tối thiểu trong ngân hàng câu hỏi thi theo quy định của Nhà trường.

(2): Số lượng câu hỏi do giảng viên nộp mới, nộp bổ sung theo yêu cầu hoặc theo kế hoạch.

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
(Nếu có)**

PHỤ LỤC VII

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ RUBRIC ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Nội dung, hoạt động cần đánh giá	Mẫu rubric sử dụng
Chuyên cần và thái độ	<u>Mẫu 01</u>
Báo cáo sản phẩm làm việc nhóm	<u>Mẫu 02</u>
Báo cáo sản phẩm làm việc cá nhân:	
- Tiểu luận	<u>Mẫu 03</u>
- Chuyên đề khoa học/tốt nghiệp	<u>Mẫu 04</u>
- Bài tập lớn/Đồ án/Dự án	<u>Mẫu 05</u>
Buổi thực hành cá nhân tại phòng thí nghiệm/tiền lâm sàng	<u>Mẫu 06</u>
Buổi thực tập lâm sàng cá nhân tại cơ sở thực hành	<u>Mẫu 07</u>
Thao tác, kỹ năng thực hành	<u>Mẫu 08</u>
Thực tập ngoài cộng đồng	<u>Mẫu 09</u>
Thực tập tại doanh nghiệp	<u>Mẫu 10</u>
Thi tự luận/tình huống	<u>Mẫu 11</u>
Thi vấn đáp	<u>Mẫu 12</u>
Khóa luận/Luận văn tốt nghiệp	<u>Mẫu 13</u>
Chuẩn đầu ra học phần/Chương trình đào tạo	<u>Mẫu 14</u>

MẪU RUBRIC 01

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN VÀ THÁI ĐỘ HỌC PHẦN ...

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Mức độ tham dự theo TKB		50%	Tham dự 100% tiết học	-	-	-	Tham dự <80% tiết học	
Mức độ tham gia các hoạt động học tập		50%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 3 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 2 câu hỏi	Có đặt/trả lời ít nhất 1 câu hỏi	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp	
ĐIỂM TỔNG								

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 02

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO SẢN PHẨM LÀM VIỆC NHÓM HỌC PHẦN ...

Rubric định lượng (Mẫu C2a)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Hình thức báo cáo		10%	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả	-	-	-	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả	
Kỹ năng trình bày		10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe	-	-	-	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe	
Nội dung báo cáo/ Chất lượng sản phẩm		40%	Đáp ứng 85% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70% - 85% yêu cầu	Đáp ứng 55% - 70% yêu cầu	Đáp ứng 40% - 55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
Trả lời câu hỏi		20%	Trả lời đúng tất cả câu hỏi	Trả lời đúng trên 3/4 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	
Tham gia thực hiện		20%	100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Khoảng 80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Khoảng 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Khoảng hơn 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	Dưới 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày	
ĐIỂM TỔNG								

Rubric định tính (Mẫu C2b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	- Hình thức đẹp, rõ, không lỗi chính tả (10%). - Trình bày rõ, tự tin, thuyết phục, giao lưu người nghe (10%).	

		- Nội dung báo cáo/chất lượng sản phẩm đáp ứng 80% - 100% yêu cầu (40%). - Trả lời đúng tất cả các câu hỏi (20%). - Có 100% thành viên tham gia thực hiện, trình bày (20%).	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 – 85% yêu cầu của mức A	
C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 – 70% yêu cầu của mức A	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 – 55% yêu cầu của mức A	
F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu của mức A	
Nhận xét			

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 03

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÁO CÁO TIỂU LUẬN CÁ NHÂN HỌC PHẦN ...

Rubric định lượng (Mẫu C3a)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Hình thức		10 %	Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định	-	-	-	Nhiều lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ không đúng quy định	
Bố cục		10 %	Đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic	-	-	-	Không theo quy định, không lô-gic	
Tài liệu tham khảo		10 %	Phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức	-	-	-	Rất ít TLTK, sắp xếp không đúng quy định, trích dẫn không đúng thể thức	
Nội dung 1:		30 %	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-85% yêu cầu	Đáp ứng 55%-70% yêu cầu	Đáp ứng 40%-55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
Nội dung 2:		20 %						
Nội dung 3:		20 %						
ĐIỂM TỔNG								

Rubric định tính (Mẫu C3b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	- Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định (10%). - Bộ cục có đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic (10%). - TLTK phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức (10%), cập nhật mới (dưới 5 năm) chiếm 80%. - Đáp ứng 85% - 100% yêu cầu về nội dung	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 – 85% yêu cầu của mức A	
C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 – 70% yêu cầu của mức A	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 – 55% yêu cầu của mức A	
F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu của mức A	
Nhận xét			

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 04

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ CHUYÊN ĐỀ KHOA HỌC/TỐT NGHIỆP HỌC PHẦN ...

Rubric định lượng (Mẫu C4a)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Hình thức, bố cục chuyên đề		15 %	Đẹp, rõ, không lỗi chính tả, đúng bố cục quy định	-	-	-	Đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả, sai bố cục quy định	
Lời mở đầu, mục tiêu nghiên cứu, giới hạn nghiên cứu, cơ sở lý thuyết nghiên cứu, tài liệu tham khảo		25 %	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-85% yêu cầu	Đáp ứng 55%-70% yêu cầu	Đáp ứng 40%-55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
Phương pháp phân tích		10%	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-85% yêu cầu	Đáp ứng 55%-70% yêu cầu	Đáp ứng 40%-55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
Kết quả phân tích mục tiêu cụ thể		40 %	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-85% yêu cầu	Đáp ứng 55%-70% yêu cầu	Đáp ứng 40%-55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
Kết luận, kiến nghị		10 %	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-85% yêu cầu	Đáp ứng 55%-70% yêu cầu	Đáp ứng 40%-55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
ĐIỂM TỔNG								

Rubric định tính (Mẫu C4b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	<ul style="list-style-type: none">- Hình thức, bố cục chuyên đề đẹp, rõ, không lỗi chính tả, đúng bố cục quy định (15%).- Bố cục có đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic (10%).- Đáp ứng 85%-100% yêu cầu về lời mở đầu, mục tiêu nghiên cứu, giới hạn nghiên cứu, cơ sở lý thuyết nghiên cứu, tài liệu tham khảo (25%).- Đáp ứng 85%-100% yêu cầu về phương pháp phân tích (10%).- Đáp ứng 85%-100% yêu cầu về kết quả phân tích mục tiêu cụ thể (40%).- Đáp ứng 85%-100% yêu cầu về kết luận, kiến nghị (10%).	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 – 85% yêu cầu của mức A	
C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 – 70% yêu cầu của mức A	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 – 55% yêu cầu của mức A	
F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu của mức A	
Nhận xét			

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 05

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI TẬP LỚN/ĐỒ ÁN/DỰ ÁN HỌC PHẦN ...

Rubric định lượng (Mẫu C5a)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Chất lượng báo cáo bài tập lớn/đồ án/dự án		50 %	Đáp ứng 85%-100% yêu cầu	Đáp ứng 70%-85% yêu cầu	Đáp ứng 55%-70% yêu cầu	Đáp ứng 40%-55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
Thời gian thực hiện bài tập lớn/đồ án/dự án		10 %	Nộp đúng thời gian quy định	-	-	-	Nộp muộn sau thời gian quy định	
Chất lượng bảo vệ bài tập lớn/đồ án/dự án		10%	Đúng trọng tâm, tự tin, đúng thời gian				Không đúng trọng tâm, thiếu tự tin, không đảm bảo thời gian	
Trả lời câu hỏi		30 %	Trả lời đúng tất cả câu hỏi	Trả lời đúng trên 3/4 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi	Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG								

Rubric định tính (Mẫu C5b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	- Đáp ứng 85%-100% yêu cầu chất lượng báo cáo bài tập lớn/đồ án/dự án (50%) - Nộp đúng thời gian quy định (10%) - Đúng trọng tâm, tự tin, đúng thời gian (10%) - Trả lời đúng tất cả câu hỏi (30%)	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 - 85% yêu cầu của mức A	

C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 - 70% yêu cầu của mức A	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 - 55% yêu cầu của mức A	
F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu của mức A	
Nhận xét			

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 06

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BUỔI THỰC HÀNH CÁ NHÂN TẠI PHÒNG THÍ NGHIỆM/TIỀN LÂM SÀNG HỌC PHẦN:

Rubric định lượng (Mẫu C6a)

Tiêu chí đánh giá	CD R	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Chuyên cần		10%	Đến đúng giờ quy định	/			Đến muộn trên 15 phút	
Chuẩn bị lý thuyết		20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 55% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 40% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 40% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm/thăm khám/thủ thuật và xử lý số liệu		20%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm/thăm khám/thủ thuật và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm/thăm khám/thủ thuật và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm/thăm khám/thủ thuật nhưng xử lý số liệu trung bình	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm/thăm khám/thủ thuật nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm/thăm khám/thủ thuật, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi		50%	Kết quả TN/TK/T đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN/TK/T đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN/TK/T đúng và trả lời đúng trên 55% số câu hỏi	Kết quả TN/TK/T sai hoặc trả lời đúng trên 40% số câu hỏi	Kết quả TN/TK/T sai hoặc trả lời đúng dưới 40% số câu hỏi	
ĐIỂM TỔNG								

Rubric định tính (Mẫu C6b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	- Đến đúng giờ quy định (10%) - Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi (20%) - Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm/thủ thuật và xử lý số liệu tốt (20%) - Kết quả TN/TK/TT đúng và trả lời đúng các câu hỏi (50%)	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 - 85% yêu cầu của mức A	
C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 - 70% yêu cầu của mức A	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 - 55% yêu cầu của mức A	
F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu của mức A	
Nhận xét			

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 07

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ BUỔI THỰC TẬP LÂM SÀNG CÁ NHÂN TẠI CƠ SỞ THỰC HÀNH HỌC PHẦN:

Rubric định lượng (Mẫu C7a)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Chuẩn bị lý thuyết		20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 55% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 40% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 40% số câu hỏi	
Thực hiện đúng quy trình thăm khám, thủ thuật		20%	Thực hiện đúng quy trình thăm khám, thủ thuật	Thực hiện đúng quy trình thăm khám, thủ thuật khá	Thực hiện đúng quy trình thăm khám, thủ thuật trung bình	Thực hiện đúng quy trình thăm khám, thủ thuật chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thăm khám, thủ thuật	
Biện luận kết quả lâm sàng, cận lâm sàng		20%	Biện luận kết quả lâm sàng, cận lâm sàng	Biện luận kết quả lâm sàng, cận lâm sàng trên 70% nội dung	Biện luận kết quả lâm sàng, cận lâm sàng trên 55% nội dung	Biện luận kết quả lâm sàng, cận lâm sàng trên 40% nội dung	Biện luận kết quả lâm sàng, cận lâm sàng dưới 40% nội dung	
Chẩn đoán xác định, hướng xử trí, điều trị cụ thể		30%	Chẩn đoán xác định, hướng xử trí, điều trị cụ thể đúng	Chẩn đoán xác định, hướng xử trí, điều trị cụ thể trên 70% nội dung	Chẩn đoán xác định, hướng xử trí, điều trị cụ thể trên 55% nội dung	Chẩn đoán xác định, hướng xử trí, điều trị cụ thể trên 40% nội dung	Chẩn đoán xác định, hướng xử trí, điều trị cụ thể dưới 40% nội dung	

							dung	
Vệ sinh		10%	Vệ sinh vị trí thực tập, tự thảo luận, rút ra bài học.		/		Không thực hiện.	
ĐIỂM TỔNG								

Rubric định tính (Mẫu C7b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	- Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi (20%). - Thực hiện đúng quy trình thăm khám, thủ thuật (20%). - Biện luận kết quả lâm sàng, cận lâm sàng (20%) - Chẩn đoán xác định, hướng xử trí, điều trị cụ thể (30%) - Vệ sinh vị trí thực tập, tự thảo luận, rút ra bài học (10%).	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 - 85% yêu cầu của mức A	
C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 - 70% yêu cầu của mức A	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 - 55% yêu cầu của mức A	
F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu của mức A	
Nhận xét			

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 08

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ THAO TÁC, KỸ NĂNG THỰC HÀNH HỌC PHẦN ...

Rubric định lượng (Mẫu C8a)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Chuẩn bị lý thuyết		20%	Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 70% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 55% số câu hỏi	Trả lời đầy đủ, đúng trên 40% số câu hỏi	Trả lời không đầy đủ hoặc đúng dưới 40% số câu hỏi	
Thao tác thí nghiệm và xử lý số liệu		20%	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu khá	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu trung bình	Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm nhưng xử lý số liệu chưa đúng	Thực hiện không đúng quy trình thí nghiệm, xử lý số liệu sai	
Kết quả TN và trả lời câu hỏi		50%	Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 70% số câu hỏi	Kết quả TN đúng và trả lời đúng trên 55% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng trên 40% số câu hỏi	Kết quả TN sai hoặc trả lời đúng dưới 40% số câu hỏi	
Vệ sinh		10%	Vệ sinh vị trí thực tập, dụng cụ sạch sẽ, trả đủ số lượng dụng cụ được bàn giao.		/		Vệ sinh vị trí thực tập, dụng cụ không sạch sẽ, trả thiếu số lượng dụng cụ được bàn giao, bề vỡ dụng cụ trong quá trình đánh giá.	
ĐIỂM TỔNG								

Rubric định tính (Mẫu C8b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	- Trả lời đầy đủ, đúng các câu hỏi (20%). - Thực hiện đúng quy trình thí nghiệm và xử lý số liệu tốt (20%). - Kết quả TN đúng và trả lời đúng các câu hỏi (50%) - Vệ sinh vị trí thực tập, dụng cụ sạch sẽ, trả đủ số lượng dụng cụ được bàn giao (10%).	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 - 85% yêu cầu của mức A	
C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 - 70% yêu cầu của mức A	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 - 55% yêu cầu của mức A	
F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu của mức A	
Nhận xét			

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 09

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP CỘNG ĐỒNG HỌC PHẦN ...

Rubric đánh giá quá trình thực tập (C9a)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Chấp hành nội quy của Trạm y tế thực tập		10%	Chấp hành đúng				Không chấp hành	
Thái độ làm việc		10%	Rất tích cực				Kém tích cực	
Ý thức học hỏi		10%	Rất tích cực				Kém tích cực	
Tinh thần đồng đội		10%	Luôn hỗ trợ				Không hỗ trợ	
Kiến thức, kỹ năng thu nhận		60%	Thu nhận rất tốt kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận kém kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	
ĐIỂM TỔNG								

Rubric đánh giá báo cáo thực tập cộng đồng (C9b)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Hình thức báo cáo (30%)								
Quy định chung về mẫu trang bìa, kiểu chữ (Times New Roman, cỡ chữ 14) Canh lề (3 cm), khoảng		10%	Đáp ứng 5 yêu cầu	Đáp ứng 4 yêu cầu	Đáp ứng 3 yêu cầu	Đáp ứng 2 yêu cầu	Hoàn toàn không theo qui định chung về trình bày	

cách hàng 1,5 lines, có tên chủ đề báo cáo.								
Văn phong và chính tả		10%	Phù hợp văn phong báo cáo. Không có lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu.	Phù hợp văn phong báo cáo. Có vài lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu.	Phù hợp văn phong báo cáo. Có nhiều lỗi chính tả hoặc nhiều lỗi dấu chấm câu.	Có sử dụng văn nói. Có nhiều lỗi chính tả và nhiều lỗi dấu chấm câu.	Sử dụng nhiều văn nói. Có nhiều lỗi chính tả và nhiều lỗi dấu chấm câu.	
Bố cục		10%	Đầy đủ các phần trong dàn ý báo cáo Thực tập cộng đồng. Có đầy đủ phụ lục Trình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn BGD&ĐT VN.	Đầy đủ các mục chính, thiếu 1-2 mục nhỏ trong dàn ý. Có phụ lục Trình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn BGD&ĐT VN.	Cấu trúc chương, mục và tiểu mục không rõ ràng. Có phụ lục Trình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn BGD&ĐT VN.	Cấu trúc chương, mục và tiểu mục không rõ ràng và không đầy đủ. Có một số phụ lục không liên quan đến báo cáo. Trình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn BGD&ĐT VN.	Cấu trúc chương, mục và tiểu mục không rõ ràng và không đầy đủ, không có phụ lục hoặc trình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn BGD&ĐT VN	
Nội dung (70%)								
Giới thiệu trạm y tế thực tập		10%	Giới thiệu Trạm y tế thực tập ngắn gọn và đủ thông tin, có nhận định cá nhân về trạm một cách thuyết phục	Giới thiệu Trạm y tế thực tập ngắn gọn và đủ thông tin, có nhận định cá nhân về trạm nhưng còn sơ sài	Giới thiệu Trạm y tế thực tập ngắn gọn và đủ thông tin, có nhận định cá nhân về trạm ngắn gọn, đủ thông tin	Giới thiệu Trạm y tế thực tập ngắn gọn và đủ thông tin, có nhận định cá nhân về trạm dài dòng, không đủ thông tin	Tham khảo từ nguồn mà không có trích dẫn.	
Đặt vấn đề & Mục tiêu thực tập		10%	Nêu mục đích của việc thực tập. Có đặt ra	Nêu mục đích của việc thực tập. Có đặt ra	Nêu mục đích của việc thực tập. Có đặt ra	Nêu mục đích của việc thực tập, mục tiêu không	Chỉ nêu mục đích, không có mục tiêu. Không nêu	

			<p>các mục tiêu cụ thể. Nêu và giải thích chủ đề muốn tìm hiểu và chủ đề có tính sáng tạo và có đóng góp cho ngành y tế công cộng.</p>	<p>các mục tiêu cụ thể. Nêu rõ chủ đề muốn tìm hiểu và chủ đề mang tính thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành y tế công cộng.</p>	<p>các mục tiêu cụ thể. Có nêu chủ đề liên quan đến chuyên ngành y tế công cộng nhưng chủ đề không cụ thể</p>	<p>cụ thể. Có nêu chủ đề liên quan đến ngành y tế công cộng.</p>	<p>chủ đề hoặc chủ đề không liên quan đến ngành y tế công cộng.</p>	
Nội dung thực tập		10%	<p>Miêu tả súc tích cô đọng và có nhận định thuyết phục về nội dung thực tập được giao. Nêu và nhấn mạnh những vấn đề đã phát hiện trong thời gian thực tập và đó là nền tảng để làm chủ đề.</p>	<p>Miêu tả súc tích cô đọng nhưng có nhận định kém thuyết phục về nội dung thực tập được giao. Có nêu những vấn đề có liên quan đến chủ đề đã phát hiện trong thời gian thực tập.</p>	<p>Có miêu tả nội dung thực tập được giao, đồng thời nêu những vấn đề có liên quan đến chủ đề đã phát hiện trong thời gian thực tập. Không có nhận định về nội dung thực tập.</p>	<p>Miêu tả nội dung thực tập được giao dài dòng, lủng củng nêu những vấn đề đã phát hiện trong thời gian thực tập sơ sài, có liên quan đến chủ đề.</p>	<p>Miêu tả nội dung thực tập được giao sơ sài, không nêu những vấn đề đã phát hiện trong thời gian thực tập, không liên quan đến chủ đề.</p>	
Tổng quan Y Văn & Phân tích vấn đề		10%	<p>Trình bày được tổng quan kiến thức về vấn đề và các nghiên cứu khoa học có liên quan. Có nêu và phân tích các nguyên nhân của vấn đề một cách cụ thể, hợp lý.</p>	<p>Trình bày được tổng quan kiến thức về vấn đề và các nghiên cứu khoa học có liên quan. Có nêu và phân tích các nguyên nhân của vấn đề một cách cụ thể, hợp lý.</p>	<p>Trình bày được tổng quan kiến thức về vấn đề và các nghiên cứu khoa học có liên quan. Có nêu các nguyên nhân của vấn đề nhưng không phân tích nguyên</p>	<p>Trình bày được tổng quan kiến thức về vấn đề và các nghiên cứu khoa học có liên quan nhưng chưa đầy đủ. Có nêu nguyên nhân của vấn đề nhưng chưa hợp</p>	<p>Không trình bày được tổng quan kiến thức về vấn đề và các nghiên cứu khoa học có liên quan. Không nêu được nguyên nhân của vấn đề.</p>	

			Có minh chứng/minh họa cụ thể.	Thiếu có minh chứng/minh họa hoặc kém thuyết phục.	nhân của vấn đề.	lý. Không có minh chứng/minh họa.		
Phương pháp nghiên cứu		10%	Viết phương pháp nghiên cứu rõ ràng, khoa học và logic. Có giải thích rõ ràng lý do chọn phương pháp nghiên cứu này.	Các phương pháp nghiên cứu rõ ràng, khoa học và logic. Không giải thích lý do chọn phương pháp nghiên cứu này.	Có nêu các phương pháp nghiên cứu. Có nêu lý do nhưng không giải thích.	Có nêu các phương pháp nghiên cứu. Không nêu lý do chọn các phương pháp nghiên cứu này.	Không nêu hoặc chỉ nêu một phương pháp nghiên cứu. Không có giải thích lý do chọn phương pháp nghiên cứu này.	
Phân tích các giải pháp, kết quả tìm ra		10%	Có phân tích, nhận xét, biện luận, đánh giá các kết quả của chủ đề nghiên cứu. Có tham chiếu về mục tiêu đề ra, kết quả có đóng góp cho ngành.	Có phân tích, nhận xét, biện luận, đánh giá các kết quả của chủ đề nghiên cứu. Có tham chiếu về mục tiêu đề ra, kết quả đóng góp cho ngành chưa rõ.	Chỉ đánh giá các kết quả đạt được, kết quả đóng góp cho ngành chưa rõ.	Chỉ nêu kết quả đạt được, kết quả đóng góp cho ngành chưa rõ.	Không nêu kết quả đạt được.	
Kết luận		10%	Có căn cứ vào các mục tiêu đã đề ra để kết luận và đánh giá kết quả đạt được. Có nêu định hướng trong	Có căn cứ vào các mục tiêu đã đề ra để kết luận và đánh giá kết quả đạt được. Có nêu định hướng trong	Có căn cứ vào các mục tiêu đã đề ra để kết luận và đánh giá kết quả đạt được. Không nêu định hướng trong	Kết luận và đánh giá kết quả đạt được chung chung, Không nêu định hướng trong tương lai.	Không có kết luận hoặc không có đánh giá kết quả đạt được, không có định hướng trong tương lai.	

			tương lai mang tính phát triển và đóng góp cho ngành.	tương lai một cách chung chung.	tương lai.			
ĐIỂM TỔNG								

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 10

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ THỰC TẬP TẠI DOANH NGHIỆP HỌC PHẦN ...

Rubric đánh giá quá trình thực tập (C10a)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Chấp hành nội quy của đơn vị		10%	Chấp hành đúng				Không chấp hành	
Thái độ làm việc		10%	Rất tích cực				Kém tích cực	
Ý thức học hỏi		10%	Rất tích cực				Kém tích cực	
Tinh thần đồng đội		10%	Luôn hỗ trợ				Không hỗ trợ	
Kiến thức, kỹ năng thu nhận		60%	Thu nhận rất tốt kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận đầy đủ kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận ở mức cơ bản kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	Thu nhận kém kiến thức và kỹ năng được yêu cầu	
ĐIỂM TỔNG								

Rubric đánh giá báo cáo thực tập tại doanh nghiệp (C10b)

Tiêu chí đánh giá	CĐR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Hình thức báo cáo (30%)								
Quy định chung về mẫu trang bìa, kiểu chữ (Times New Roman, cỡ chữ 13) Canh lề (3 cm), khoảng cách hàng 1,3 lines,		10%	Đáp ứng 5 yêu cầu	Đáp ứng 4 yêu cầu	Đáp ứng 3 yêu cầu	Đáp ứng 2 yêu cầu	Hoàn toàn không theo qui định chung về trình bày	

có tên đề tài báo cáo.								
Văn phong và chính tả		10%	Phù hợp văn phong báo cáo. Không có lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu.	Phù hợp văn phong báo cáo. Có vài lỗi chính tả và lỗi dấu chấm câu.	Phù hợp văn phong báo cáo. Có nhiều lỗi chính tả hoặc nhiều lỗi dấu chấm câu.	Có sử dụng văn nói. Có nhiều lỗi chính tả và nhiều lỗi dấu chấm câu.	Sử dụng nhiều văn nói. Có nhiều lỗi chính tả và nhiều lỗi dấu chấm câu.	
Bố cục		10%	Đầy đủ các phần trong dàn ý báo cáo TTTN; Có phụ lục; Trình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn APA	Đầy đủ các mục chính, thiếu 1-2 mục nhỏ trong dàn ý; Có phụ lục; Trình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn APA	Cấu trúc chương, mục và tiểu mục không rõ ràng; Có phụ lục; Trình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn APA	Cấu trúc chương, mục và tiểu mục không rõ ràng và không đầy đủ; Có một số phụ lục không liên quan đến báo cáo; Trình bày tài liệu tham khảo đúng chuẩn APA	Cấu trúc chương, mục và tiểu mục không rõ ràng và không đầy đủ, không có phụ lục hoặc trình bày tài liệu tham khảo không đúng chuẩn APA	
Nội dung (70%)								
Giới thiệu công ty thực tập và bộ phận thực tập		10%	Giới thiệu công ty thực tập ngắn gọn và đủ thông tin, có nhận định cá nhân về công ty một cách thuyết phục; Giới thiệu về bộ phận thực tập, đánh giá vai trò của bộ phận đối với công ty.	Giới thiệu công ty thực tập ngắn gọn và đủ thông tin. Có nhận định cá nhân về công ty nhưng còn sơ sài; Giới thiệu về bộ phận thực tập, đánh giá vai trò của bộ phận đối với công ty.	Giới thiệu công ty thực tập và bộ phận thực tập ngắn gọn và đủ thông tin; Không có nhận định đánh giá của cá nhân về công ty.	Giới thiệu công ty thực tập và bộ phận thực tập dài dòng và không đầy đủ; Không có nhận định đánh giá của cá nhân về công ty.	Tham khảo từ nguồn mà không có trích dẫn.	

Nhập đề		10%	Nêu mục đích của việc thực tập; Có đặt ra các mục tiêu cụ thể; Nêu và giải thích đề tài muốn tìm hiểu và đề tài có tính sáng tạo và có đóng góp cho ngành.	Nêu mục đích của việc thực tập; Có đặt ra các mục tiêu cụ thể; Nêu rõ đề tài muốn tìm hiểu và đề tài mang tính thực tiễn, phù hợp với chuyên ngành.	Nêu mục đích của việc thực tập; Có đặt ra các mục tiêu cụ thể; Có nêu đề tài liên quan đến chuyên ngành nhưng đề tài không cụ thể.	Nêu mục đích của việc thực tập, mục tiêu không cụ thể; Có nêu đề tài liên quan đến ngành.	Chỉ nêu mục đích, không có mục tiêu; Không nêu đề tài hoặc đề tài không liên quan đến ngành.	
Công việc thực tập		10%	Miêu tả súc tích cô đọng và có nhận định thuyết phục về công việc được giao; Nêu và nhấn mạnh những vấn đề đã phát hiện trong thời gian thực tập và đó là nền tảng để làm đề tài.	Miêu tả súc tích cô đọng nhưng có nhận định kém thuyết phục về công việc được giao; Có nêu những vấn đề có liên quan đến đề tài đã phát hiện trong thời gian thực tập.	Có miêu tả công việc được giao, đồng thời nêu những vấn đề có liên quan đến đề tài đã phát hiện trong thời gian thực tập; Không có nhận định về công việc.	Miêu tả công việc được giao dài dòng, lủng củng nêu những vấn đề đã phát hiện trong thời gian thực tập sơ sài, có liên quan đến đề tài.	Miêu tả công việc được giao sơ sài, không nêu những vấn đề đã phát hiện trong thời gian thực tập, không liên quan đến đề tài.	
Phân tích vấn đề		10%	Có nêu và phân tích các nguyên nhân của vấn đề một cách cụ thể, hợp lý; Có minh chứng/ minh họa cụ thể.	Có nêu và phân tích các nguyên nhân của vấn đề một cách cụ thể, hợp lý; Thiếu có minh chứng/ minh họa hoặc kém thuyết phục	Có nêu các nguyên nhân của vấn đề nhưng không phân tích nguyên nhân của vấn đề.	Có nêu nguyên nhân của vấn đề nhưng chưa hợp lý; Không có minh chứng/ minh họa.	Không nêu nguyên nhân của vấn đề.	

Phương án giải quyết vấn đề		10%	Các phương án giải quyết rõ ràng, khoa học và logic; Có giải thích rõ ràng lý do chọn các phương án này.	Các phương án giải quyết rõ ràng, khoa học và logic; Không giải thích lý do chọn các phương án này.	Có nêu các phương án giải quyết; Có nêu lý do nhưng không giải thích.	Có nêu các phương án giải quyết; Không nêu lý do chọn các phương án này.	Không nêu hoặc chỉ nêu một phương án giải quyết; Không có giải thích lý do chọn phương án này.	
Phân tích các giải pháp, kết quả tìm ra		10%	Có phân tích, nhận xét, biện luận, đánh giá các kết quả về tính khả thi và tính hiệu quả của các phương án đề ra; Có tham chiếu về mục tiêu đề ra, kết quả có đóng góp cho ngành.	Có phân tích, nhận xét, biện luận, đánh giá các kết quả về tính khả thi và tính hiệu quả của các phương án đề ra; Có tham chiếu về mục tiêu đề ra, kết quả đóng góp cho ngành chưa rõ.	Chỉ đánh giá các kết quả đạt được, kết quả đóng góp cho ngành chưa rõ.	Chỉ nêu kết quả đạt được, kết quả đóng góp cho ngành chưa rõ.	Không nêu kết quả đạt được.	
Kết luận		10%	Có căn cứ vào các mục tiêu đã đề ra để kết luận và đánh giá kết quả đạt được; Có nêu định hướng trong tương lai mang tính phát triển và đóng góp cho ngành.	Có căn cứ vào các mục tiêu đã đề ra để kết luận và đánh giá kết quả đạt được; Có nêu định hướng trong tương lai một cách chung chung.	Có căn cứ vào các mục tiêu đã đề ra để kết luận và đánh giá kết quả đạt được; Không nêu định hướng trong tương lai.	Kết luận và đánh giá kết quả đạt được chung chung; Không nêu định hướng trong tương lai.	Không có kết luận hoặc không có đánh giá kết quả đạt được, không có định hướng trong tương lai.	
ĐIỂM TỔNG								

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 11

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ THI TỰ LUẬN/TÌNH HUỐNG HỌC PHẦN ...

Rubric định lượng (C11a)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Hình thức		5%	Không có lỗi chính tả; Chữ viết rõ ràng, dễ đọc	-	-	-	Nhiều lỗi chính tả; Chữ viết không rõ, không đọc được nội dung	
Bố cục		5%	Đầy đủ các phần theo trình tự (dàn ý); trình bày logic	-	-	-	Không có dàn ý; không thể hiện được trình tự hợp logic	
Nội dung 1: Nội dung 2: Nội dung 3: Nội dung n:		90 %	Trả lời đúng và đủ nội dung theo yêu cầu	Đáp ứng 70%- 85% yêu cầu	Đáp ứng 55%- 70% yêu cầu	Đáp ứng 40%- 55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
ĐIỂM TỔNG								

Rubric định tính (C 11b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	Đáp ứng 85%-100% các yêu cầu: - Không có lỗi chính tả; chữ viết rõ ràng, dễ đọc(5%). - Bố cục đầy đủ các phần theo trình tự (dàn ý); trình bày logic (5%). - Nội dung: trả lời đúng và đủ nội dung theo yêu cầu (90%)	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 – 85% yêu cầu của mức A	
C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 – 70% yêu cầu của mức A	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 – 55% yêu cầu của mức A	

F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu của mức A	
Nhận xét			

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 12

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ THI VẤN ĐÁP HỌC PHẦN ...

Rubric định lượng (C12a)

Tiêu chí đánh giá	CDR	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Kỹ năng trình bày		20%	Lưu loát, rõ ràng, tự tin	-	-	-	Lúng túng, không rõ ràng, không tự tin	
Kiến thức lý thuyết		30%	Đáp ứng 85% - 100% yêu cầu	Đáp ứng 70% - 85% yêu cầu	Đáp ứng 55% - 70% yêu cầu	Đáp ứng 40% - 55% yêu cầu	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
Kiến thức thực tiễn		30%						
Tính sáng tạo		20%						
ĐIỂM TỔNG								

Rubric định tính (C12b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	- Trình bày lưu loát, rõ ràng, tự tin (20%). - Trình bày nội dung về kiến thức lý thuyết đáp ứng 80% - 100% yêu cầu (30%). - Trình bày nội dung về kiến thức thực tiễn đáp ứng 80% - 100% yêu cầu (30%). - Có tính sáng tạo trong cách trình bày, cách mở rộng kiến thức có liên quan (20%).	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 – 85% yêu cầu	
C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 – 70% yêu cầu	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 – 55% yêu cầu	
F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
Nhận xét			

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 13

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KHÓA LUẬN / LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP HỌC PHẦN ...

Rubric định lượng (C13a)

Tiêu chí đánh giá	CĐ R	Trọng số	Mô tả mức chất lượng					Điểm
			A	B	C	D	F	
			10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Hình thức bài khóa luận/ luận văn tốt nghiệp		10%	- Trình bày rõ ràng, sạch, đúng quy định. - Bố cục chặt chẽ, mạch lạc, hợp lý. - Bảng biểu, hình ảnh, sơ đồ (nếu có) rõ đẹp, khoa học. - Lỗi chính tả, lỗi đặt câu không đáng kể.	-	-	-	- Trình bày không rõ ràng, sạch, đúng quy định. - Bố cục không chặt chẽ, mạch lạc, hợp lý. - Bảng biểu, hình ảnh, sơ đồ không rõ đẹp và khoa học. - Nhiều lỗi chính tả, lỗi đặt câu.	
Hình thức buổi báo cáo khóa luận/ luận văn tốt nghiệp		10%	- Hình thức và bố cục của bài thuyết trình phù hợp. - Nội dung của bài thuyết trình đủ, rõ. - Thời gian thuyết trình đúng quy định - Tác phong, thái độ và cách ứng xử của sinh viên trong buổi báo cáo: tự tin, rõ ràng, thuyết phục.				- Hình thức và bố cục của bài thuyết trình không phù hợp. - Nội dung của bài thuyết trình không đủ và rõ. - Thời gian thuyết trình không đúng quy định. - Tác phong, thái độ và cách ứng xử của sinh viên trong buổi báo cáo: không tự tin, rõ ràng, thuyết phục.	
Đặt vấn đề		5%	- Làm rõ tính cấp thiết của đề tài. - Làm rõ lý do chọn đề tài, mục tiêu và phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu.				- Không làm rõ tính cấp thiết của đề tài. - Không làm rõ lý do chọn đề tài, mục tiêu và phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu.	

<p>Tổng quan tài liệu</p>		<p>5%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan đầy đủ các vấn đề liên quan trực tiếp đến đề tài. - Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài nghiên cứu. - Nêu những vấn đề còn tồn tại; chỉ ra những vấn đề mà khóa luận cần tập trung nghiên cứu giải quyết. - Trình bày trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo khoa học, đúng quy định, số lượng TLTK tối thiểu 40 và cập nhật mới < 5 năm 80%. 				<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan không đầy đủ các vấn đề liên quan trực tiếp đến đề tài. - Không phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài nghiên cứu. - Không nêu những vấn đề còn tồn tại; chỉ ra những vấn đề mà khóa luận cần tập trung nghiên cứu giải quyết. - Trình bày trích dẫn và liệt kê tài liệu tham khảo không khoa học, đúng quy định. 	
<p>Đối tượng và phương pháp nghiên cứu</p>		<p>10%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng nghiên cứu: Tiêu chuẩn chọn, tiêu chuẩn loại trừ, địa điểm và thời gian nghiên cứu phù hợp. - Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu, cỡ mẫu và chọn mẫu, nội dung nghiên cứu, phương pháp thu thập số liệu, phương pháp hạn chế sai số, xử lý số liệu và phân tích phù hợp. - Đạo đức nghiên cứu phù hợp. 				<ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng nghiên cứu: Tiêu chuẩn chọn, tiêu chuẩn loại trừ, địa điểm và thời gian nghiên cứu không phù hợp. - Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu, cỡ mẫu và chọn mẫu, nội dung nghiên cứu, phương pháp thu thập số liệu, phương pháp hạn chế sai số, xử lý số liệu và phân tích không phù hợp. - Đạo đức nghiên cứu không phù hợp. 	
<p>Kết quả và bàn luận</p>		<p>15%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thu được đáp ứng mục tiêu đã đề ra. - Biết cách xử lý kết quả, chọn cách trình bày phù hợp (Trình bày các 				<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả thu được không đáp ứng mục tiêu đã đề ra. - Không biết cách xử lý kết quả, chọn cách trình bày phù hợp - Nhận xét kết quả 	

			<p>bảng, biểu đồ, bản đồ theo kết quả nghiên cứu).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét kết quả phù hợp. - Phân bản luận phải căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của khóa luận hoặc đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo. 				<p>không phù hợp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bản luận không căn cứ vào các dẫn liệu khoa học thu được trong quá trình nghiên cứu của khóa luận hoặc không đối chiếu với kết quả nghiên cứu của các tác giả khác thông qua các tài liệu tham khảo. 	
Kết luận và đề nghị		10%	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày những kết quả mới của khóa luận một cách ngắn gọn, súc tích, đáp ứng được mục tiêu đề ra, phù hợp với kết quả thu được. - Đề nghị khả thi, phù hợp với phạm vi nghiên cứu. 				<ul style="list-style-type: none"> - Không trình bày những kết quả mới của khóa luận một cách ngắn gọn, súc tích, đáp ứng được mục tiêu đề ra, phù hợp với kết quả thu được. - Đề nghị không khả thi, không phù hợp với phạm vi nghiên cứu. 	
Tính sáng tạo và triển vọng của đề tài		15%	<ul style="list-style-type: none"> - Đề tài có khả năng áp dụng, tham khảo; có hướng phát triển... 				<ul style="list-style-type: none"> - Đề tài không có khả năng áp dụng, tham khảo; không có hướng phát triển... 	
Trả lời các câu hỏi của hội đồng		20%	Trả lời tốt các câu hỏi của hội đồng				Trả lời không tốt các câu hỏi của hội đồng	

Rubric định tính (C13b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	<ul style="list-style-type: none"> - Không có lỗi chính tả; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định. - Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định, lô-gic. - Tài liệu tham khảo phong phú, được sắp xếp đúng quy định, trích dẫn đúng thể thức, số lượng TLTK tối thiểu 40 và cập nhật mới < 5 năm 80%. 	

		<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan nghiên cứu phong phú và phù hợp, cơ sở lý luận bám sát đề tài. Phương pháp nghiên cứu thích hợp; phương pháp chọn mẫu đúng. - Phương pháp thu thập số liệu hợp lý; xử lý, phân tích số liệu đúng kỹ thuật và phù hợp - Kết quả nghiên cứu và Kết luận, Đề nghị phù hợp với số liệu và mục tiêu đề tài/câu hỏi nghiên cứu. 	
B	7,0 – 8,4	Đáp ứng 70 – 85% yêu cầu	
C	5,5 – 6,9	Đáp ứng 55 – 70% yêu cầu	
D	4,0 – 5,4	Đáp ứng 40 – 55% yêu cầu	
F	0 – 3,9	Đáp ứng dưới 40% yêu cầu	
Nhận xét			

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẢN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

MẪU RUBRIC 14

(Kèm theo Phụ lục VII Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

RUBRIC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN / CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO HỌC PHẦN ...

Rubric định lượng (C14a)

Mức chất lượng	Hiểu sâu	Hiểu cận kẽ	Hiểu sơ bộ	Biết sơ sài	Mới bắt đầu	Điểm
	10 – 8,5	8,4 – 7,0	6,9 – 5,5	5,4 – 4,0	3,9 – 0	
Chuẩn đầu ra 1	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới.	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng.	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng.	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận.	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc.	
Chuẩn đầu ra 2						
Chuẩn đầu ra 3						
ĐIỂM TỔNG						

Rubric định tính (C14b)

Mức chất lượng	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
A	8,5 – 10	Hiểu đầy đủ các thông tin cần thiết. Có thể khái quát hóa các thông tin thu nhận, đánh giá và vận dụng chúng vào các tình huống khác nhau, hoặc sáng tạo ra cái mới.	
B	7,0 – 8,4	Hiểu khá đầy đủ các thông tin cần thiết và thiết lập được mối liên hệ giữa chúng.	
C	5,5 – 6,9	Hiểu được các thông tin cơ bản và thiết lập được mối liên hệ sơ lược giữa chúng.	
D	4,0 – 5,4	Mới thiết lập được sự liên hệ giữa một số ít thông tin được thu nhận.	
F	0 – 3,9	Mới thu nhận được một số ít thông tin mang tính rời rạc.	
Nhận xét			

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**
(Nếu có)

PHỤ LỤC VIII

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP CỦA NGƯỜI HỌC

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Tên tiếng Việt			Tên tiếng Anh
Thuộc khối:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương	<input type="checkbox"/> Cơ sở khối ngành và ngành		
	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành	<input type="checkbox"/> Tự chọn và tốt nghiệp		
Mã học phần:				
Mã nhóm học:				
Số tín chỉ:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
Số tiết:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học (bao gồm tự học có hướng dẫn), tự nghiên cứu, trải nghiệm

2. Thông tin chung về đơn vị phụ trách giảng dạy học phần

Tên đơn vị:	[Ghi tên Khoa/Trung tâm đào tạo]	
Thông tin liên hệ:	[Ghi địa chỉ/địa điểm văn phòng Khoa/Trung tâm đào tạo]	
	Điện thoại: ...	Email: ...

3. Kết quả đánh giá quá trình

STT	Thông tin người học		Mã bài	Tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá	Trọng số của điểm thành phần
	Mã số	Họ tên				
1	123456	Lê Văn A	A1.x			
			A1.x			
			A1.x			
2	456789	Tô Thị B	A1.x			
			A1.x			
			A1.x			
...						

Chú thích:

- Ghi tiêu chí đánh giá tương ứng với mỗi mã bài kiểm tra/đánh giá A1.x
- Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10. Trường hợp giảng viên có nhiều lần đánh giá tương ứng với mỗi A1.x thì giảng viên nhập điểm tổng hợp/sau cùng chính thức giảng viên ghi nhận kết quả cho bài kiểm tra/đánh giá A1.x

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA KHOA/TRUNG TÂM ĐÀO TẠO**
(Nếu có)

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN

PHỤ LỤC IX

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVTT ngày ... tháng ... năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÕ TRƯỜNG TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC HỌC PHẦN CỦA NGƯỜI HỌC

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:	Tên tiếng Việt			Tên tiếng Anh
Thuộc khối:	<input type="checkbox"/> Giáo dục đại cương			<input type="checkbox"/> Cơ sở khối ngành và ngành
	<input type="checkbox"/> Kiến thức ngành			<input type="checkbox"/> Tự chọn và tốt nghiệp
Mã học phần:				
Mã nhóm học:				
Số tín chỉ:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Ghi chú
Số tiết:	Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học (bao gồm tự học có hướng dẫn), tự nghiên cứu, trải nghiệm

2. Thông tin chung về đơn vị phụ trách giảng dạy học phần

Tên đơn vị:	[Ghi tên Khoa/Trung tâm đào tạo]		
Thông tin liên hệ:	[Ghi địa chỉ/địa điểm văn phòng Khoa/Trung tâm đào tạo]		
	Điện thoại: ...	Email: ...	

3. Kết quả đánh giá kết thúc học phần của người học

STT	Thông tin người học		Mã bài	Tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá	Trọng số điểm đánh giá kết thúc học phần
	Mã số	Họ tên				
1	123456	Lê Văn A	A2.x			
			A2.x			
2	456789	Tô Thị B	A2.x			

			A2.x			
...						

Chú thích:

- Ghi tiêu chí đánh giá tương ứng với mỗi mã bài kiểm tra/đánh giá A2.x
- Điểm đánh giá kết thúc học phần được đánh giá theo thang điểm 10.

**PHẦN PHÊ DUYỆT
CỦA LÃNH ĐẠO PHÒNG/BAN
GIÁM HIỆU
(Nếu có)**

Hậu Giang, ngày ... tháng ... năm ...
**PHÒNG ĐÀO TẠO VÀ CÔNG TÁC
SINH VIÊN THỰC HIỆN**